

Bản án số: 28/2018/HS-ST

Ngày 31 - 5- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Bà Đỗ Thanh Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST- HS, ngày 11 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967 tại Xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá T (đã chết) và bà Đỗ Thị T (đã chết); có vợ là Bùi Thị H và 03 con;

Tiền án: 04 tiền án.

+ Tại bản án số 19/ST. HS ngày 21/5/2002 TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; Bị cáo đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 40/HSST ngày 26/8/2004 TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; Bị cáo đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 75/HSST ngày 18/12/2007 TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; Bị cáo đã chấp hành xong bản án, chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 17/2011/HSST ngày 07/4/2011 TAND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 07 năm tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 BLHS. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15/02/2017, lần phạm tội này là Tái phạm nguy hiểm; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1988 bị TAND huyện Phú Lương xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo tài sản của công dân”; năm 1994 bị TAND huyện Phú Lương xử phạt 24 tháng tù về tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của công dân”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương, có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Bạch Đình D, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện P, Thái Nguyên.

2. Anh Trần Anh P, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm T1, xã S, TP. T, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà Chu Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người chứng kiến:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 40 phút ngày 21/11/2017 Công an huyện Phú Lương phối hợp cùng Công an xã C, huyện Phú Lương kiểm tra nơi ở của Nguyễn Văn T phát hiện Bạch Đình D và Trần Anh P đang đứng ở đầu nhà T có dấu hiệu tàng trữ trái phép chất ma túy, kiểm tra thu giữ trong túi áo khoác bên phải của P 01 gói chất bột màu trắng nghi ma túy loại Heroine được gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá, 01 xilanh nhựa loại 03ml đã qua sử dụng, 01 ống nước Novocain; thu giữ trong túi áo khoác bên phải của D 01 gói chất bột màu trắng nghi ma túy loại Heroine được gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá,

01 xi lanh nhựa loại 03ml đã qua sử dụng, 01 ống nước Novocain; khi lực lượng Công an vào kiểm tra T đang đứng ở sân đã nhảy xuống ao bỏ chạy, tuy nhiên đã bị bắt giữ ngay sau đó. Kiểm tra thu giữ trong túi quần bên phải của T đang mặc 400.000 đồng bao gồm 04 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng;

Hồi 15 giờ 45 phút cùng ngày, thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T phát hiện và thu giữ trong đồng gạch của gia đình bà Đỗ Thị T 02 gói nghi ma túy loại Heroine, gói thứ nhất cách mép tường bao nhà T 10cm, gói thứ hai cách mép tường bao 30cm, hai gói cách nhau 80cm; gói thứ nhất được gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá, gói thứ hai được gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá bên trong có 02 gói chất bột màu trắng được bọc gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng.

Tại kết luận giám định số 59/KL – PC54 ngày 30/11/2017 của Phòng KTHS Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của P là ma túy loại Heroine có trọng lượng 0,026 gam, số chất bột màu trắng thu giữ của D là ma túy loại Heroine có trọng lượng 0,023 gam; số chất bột màu trắng có trong 03 gói nhỏ thu giữ trong đồng gạch là ma túy loại Heroine có trọng lượng là 0,231 gam.

D và P khai nhận, do nghiện ma túy, P biết T có bán ma túy nên khoảng 13 giờ ngày 21/11/2017 cả hai rủ nhau đến nhà T mua Heroine sử dụng cho bản thân. Khi đến thấy T đứng ở sân P hỏi mua ma túy và đưa cho T 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng) T nhận tiền cất vào túi quần bên phải, sau đó lấy trong túi quần bên trái 01 gói Heroine được bọc bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng đưa cho P. Tiếp đó D cũng hỏi mua ma túy và đưa cho T 200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng) để mua ma túy loại Heroine, T nhận tiền rồi cất giấu vào túi quần bên phải. Sau đó lấy 01 gói ma túy được bọc gói bên ngoài bằng lớp giấy bạc màu vàng của vỏ bao thuốc lá rồi đưa cho D, sau khi mua được ma túy P hỏi T cho mượn địa điểm để sử dụng ma túy, T không đồng ý nên D, P ra phía sau nhà gần giếng nước tìm nơi để sử dụng ma túy. Khi P, D đi ra đến đầu nhà T thì bị phát hiện thu giữ như nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo T thừa nhận 03 gói Heroine Cơ quan điều tra thu giữ trong đồng gạch khi khám xét ngày 21/11/2017 là của T cất giấu để bán cho những người nghiện kiếm lời. Cụ thể, khoảng hơn 13 giờ ngày 21/11/2017 bị cáo bán cho P 01 gói Heroine thu lợi 200.000 đồng, bán cho D 01 gói Heroine thu lợi 200.000 đồng. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo T khi mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực cầu Gia Bấy, thành phố Thái Nguyên với giá 400.000 đồng

được 01 gói ma túy, T mang về chia làm 05 gói nhỏ, bán cho D và P 02 gói, còn lại 03 gói thì bị cơ quan Công an thu giữ khi khám xét. Số tiền 400.000 đồng bị thu giữ là do bị cáo bán ma túy mà có.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSPL, ngày 11/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng: Điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Nguyễn Văn T từ 8 đến 9 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 41 Bộ luật hình sự 1999 để tiêu hủy những vật chứng đã niêm phong liên quan đến ma túy, tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- **Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:** Hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- **Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội:** Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có

trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, biên bản xác định trọng lượng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Hồi 13 giờ 40 phút ngày 21/11/2017, tại khu vực nhà ở của mình ở xóm B, xã C, huyện Phú Lương, Nguyễn Văn T đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trần Anh P 0,026 gam Heroine thu lợi 200.000 đồng, bán cho Bạch Đình D 0,023 gam Heroine thu lợi 200.000 đồng. Số ma túy còn lại 0,231 gam Heroine bị cáo T chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt quả tang và bị thu giữ.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đồng thời hành vi của bị cáo là bán ma túy cho nhiều người thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, do đó bị cáo phải chịu hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Nội dung quy định:

“1. Người nào..., mua bán trái phép... chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a,

b, Phạm tội nhiều lần;

p, Tái phạm nguy hiểm;”

- *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa P. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do đây là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, có 04 tiền án chưa được xóa án tích, bị cáo có nhiều năm phải cải tạo bằng hình phạt tù giam nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, sau khi H nhập cộng đồng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật và khả năng điều khiển hành vi của mình, biết rõ việc tàng trữ, mua bán Heroine là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, thể hiện ý thức coi thường pháp luật bị cáo vẫn thực hiện hành vi vi phạm dẫn đến phạm tội.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX thấy cần thiết phải xử bị cáo Nguyễn Văn T một mức án từ 9 đến 10 năm tù và buộc cách ly xã hội mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo như nội dung bản luận tội cơ bản là phù hợp, cần xem xét chấp nhận.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS để phạt bổ sung đối với bị cáo. Tuy nhiên gia đình bị cáo thuộc diện có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp, cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo đang bị tạm giam, xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, do vậy, cần áp dụng Điều 329 Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Về những vấn đề khác:

Về vật chứng: Cần áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, Điều 106 BLTTHS 2015 để xử lý các vật chứng sau:

+ Đối với các vật chứng là: 01 bì niêm phong ký hiệu H2 niêm phong vỏ bì P1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H4 niêm phong vỏ bì D1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H6 niêm phong vỏ bì K1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H8 niêm phong vỏ bì K2 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H1 niêm phong 0,016 gam mẫu H1 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 niêm phong 0,013 gam mẫu H3 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H5 niêm phong 0,114 gam mẫu H5 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H7 niêm phong 0,069 gam mẫu H7 còn lại sau giám định; 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu T1; 02 xi lanh nhựa loại 0,3ml; 02 ống nước Novocain. Đây là số ma túy còn lại sau giám định và một số dụng cụ phục vụ cho việc sử dụng trái phép

chất ma túy cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo và các đối tượng có liên quan, xét cần thiết phải tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền: 400.000 đồng thu giữ của bị cáo, đây là tiền do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Thông báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Về người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, T khai chỉ biết là nam giới khoảng 40 tuổi ngoài ra không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh để xử lý.

Trong vụ án còn có 02 đối tượng là Bạch Đình D và Trần Anh P có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để sử dụng nhưng chưa đến mức phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện Phú Lương đã ra quyết định xử phạt hành chính để răn đe giáo dục là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 41 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 106, 136, 329, 331, 333 Bộ luật TTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Văn T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (22/11/2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong ký hiệu H2 niêm phong vỏ bì P1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H4 niêm phong vỏ bì D1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H6 niêm phong vỏ bì K1 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H8 niêm phong vỏ bì K2 và giấy gói; 01 bì niêm phong ký hiệu H1 niêm phong 0,016 gam mẫu H1 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H3 niêm phong 0,013 gam mẫu H3 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H5 niêm phong 0,114 gam mẫu H5 còn lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu H7 niêm phong 0,069 gam mẫu H7 còn lại sau giám định; 01 vỏ bì niêm phong ký hiệu T1; 02 xi lanh nhựa loại 0,3ml; 02 ống nước Novocain (*tình trạng, đặc điểm như*

biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án huyện Phú Lương).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo (theo ủy nhiệm chi chuyển khoản số 19 ngày 10/5/2018 của Công an huyện Phú Lương tại Kho bạc Nhà nước huyện Phú Lương).

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- THADS + THAHS;
- CA huyện Phú Lương;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Tất Thắng